TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38 /2020/HS-ST
Ngày: 14/7/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Công Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Đường.

Ông Đinh Văn Luận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Mai Loan - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2020/HSST ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn Đ, sinh năm 1969; Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; chỗ ở hiện nay: A34/455/6, phố H, thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là thứ ba; có vợ là Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1969 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 25/7/2006, bị TAND thành phố Hà Nội xử phạt 09 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Bị cáo đã chấp hành bản án, ra trại ngày 26/4/2012.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2020; hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

2. Nguyễn Đình N, sinh năm 1973; Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1942; gia đình có 04

anh chị em, bị cáo là thứ ba; có vợ là Trần Thị T, sinh năm 1974 (đã ly hôn) bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/11/2008, bị TAND huyện G, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 51 tháng 14 ngày về tội "Lưu hành tiền giả".

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2020; hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Đ do Tòa án chỉ định:* Ông Phạm Tuấn Anh, luật sư Công ty Luật TNHH Hằng Hải thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo N do Tòa án chỉ định:* Ông Hoàng Thế Tuyên, luật sư Công ty Luật TNHH Dân Trí thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968; Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1969; Nơi ĐKHKTT: Khu tập thể Đầu máy, Y, G, Hà Nội. Có mặt.

* *Người làm chứng:*

1. Anh Đoàn Công T, sinh năm 2000; Nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đình B, sinh năm 1965; Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 12/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh (PC04) phối hợp với Công an huyện G phát hiện bắt quả tang Trần Văn Đ và Nguyễn Đình N có hành vi mua bán trái phép chất ma túy tại đoạn đường thôn H, xã G, huyện G. Thu giữ tang vật tại túi áo khoác bên phải phía trước Đ đang mặc 02 túi cao su, một túi màu đỏ, một túi màu vàng, bên trong chứa chất màu trắng dạng cục được bọc bằng lớp túi nilon màu trắng. Tất cả được niêm phong vào 01 hộp giấy theo quy định.

Cùng ngày 12/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn Đ tại A34/455/6 H, thị trấn Y, huyện G, thành phố Hà Nội và nơi ở của Nguyễn Đình N tại thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh nhưng không thu giữ được gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại bản Kết luận giám định số: 151/KLGĐMT-PC09 ngày 14/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh đã kết luận: *"Chất màu trắng dạng cục bên trong 02 túi cao su mềm màu đỏ và màu vàng có khối lượng 54,3903 gam; Là ma túy; Loại ma túy Heroine" (Heroine là chất ma túy được quy định tại Nghị định số: 73/2018/NĐ-CP, ngày 15/5/2018 của Chính phủ ban hành các danh mục các chất ma túy và tiền chất).*

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo và chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập đã xác định: Giữa Trần Văn Đ và Nguyễn Đình N có mối quan hệ họ hàng, trước đây ở cùng thôn và đều sử dụng ma túy, N quen biết một đối tượng tên G, nhưng không biết rõ tuổi địa chỉ cụ thể. Khoảng 19 giờ ngày 10/2/2020, G đến nhà N ở thôn H, xã G, huyện G nhờ N mua hộ 02 cây ma túy Heroine. G hứa nếu mua được ma túy thì sẽ cho N một ít để sử dụng, N đồng ý.

Do biết Đ có ma túy bán, N đã sử dụng điện thoại di động SamSung số thuê bao 0352.137.278 của mình gọi cho Đ vào số thuê bao 0385.176.075 để hỏi việc mua 02 cây ma túy giúp G. Đ trả lời có ma túy bán với giá 30.000.000 đồng/1 cây và hẹn trưa ngày 12/02/2020 sẽ mang ma túy về cho N. Sau đó, N gọi điện thoại cho G vào số máy 0969.213.181 hẹn G trưa ngày 12/02/2020 sẽ giao ma túy và nhận tiền tại thôn H, xã G, huyện G.

Đến khoảng 12 giờ 30 phút ngày 12/02/2020, Đ điều khiển xe mô tô Airblade, BKS 99H1- 070.39 đi từ nhà ở thị trấn Y, huyện G, Hà Nội đến gặp N ở đoạn đường thôn H, xã G, huyện G để giao ma túy cho N như đã thỏa thuận từ trước. Tại đây, sau khi xem ma túy của Đ thì G không mua, đúng lúc này lực lượng Công an phát hiện đã bắt giữ người, tang vật, lợi dụng sơ hở G đã bỏ trốn.

Về nguồn gốc số ma túy trên, Đ khai khoảng 22h ngày 11/02/2020 Đ mua của một người đàn ông không quen biết ở khu vực cầu Chương Dương, địa phận phố Phúc Xá, phường Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội với giá 54.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh đã thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu Airblade, BKS: 99H1-070.39, đăng ký xe mang tên Trần Văn Đ và 01 điện thoại di động Nokia 105.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel, BKS: 99H3-0303 do N sử dụng chở người đàn ông tên G là xe thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị B là chị ruột bị cáo; 01 điện thoại di động Samsung của Nguyễn Đình N.

- Mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 hộp giấy.

Tại bản Cáo trạng số: 50/CT-VKS-P1 ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố các bị cáo Trần Văn Đ và Nguyễn Đình N về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Văn Đ và Nguyễn Đình N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng truy tố. Các bị cáo khai: Do N gọi điện cho Đ để hỏi mua ma túy cho một đối tượng tên G, nên buổi trưa ngày 12/02/2020 Đ đã mang 02 gói ma túy loại heroin từ Hà Nội về thôn H để bán, nhưng chưa kịp bán thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày: Chiếc xe máy bị cáo N sử dụng để chở đối tượng G là xe của bà cho N mượn từ cuối năm 2019 để làm phương tiện đi lại. Việc N dùng chiếc xe này để đi mua bán ma túy bà B không biết, N cũng không nói cho bà biết. Bà B đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại xe cho bà.

Bà Nguyễn Thị Đông cũng trình bày: Mặc dù chiếc xe máy bị cáo Đ sử dụng để mang ma túy về Bắc Ninh bán đăng ký tên Đ nhưng bà Đông là người đã bỏ tiền ra để mua xe. Bà Đông đề nghị được nhận lại chiếc xe này để làm phương tiện đi lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Căn cứ vào hành vi phạm tội; tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi; căn cứ vào nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử các bị cáo Đ và N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm b khoản 3, 5 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Trần Văn Đ từ 16 đến 17 năm tù. Phạt bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo Nguyễn Đình N từ 15 đến 16 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung đối với N.

Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định. Tịch thu sung công 01 điện thoại di động của Đ và của N.

Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu AIR BLADE, BKS 99H1-070.39 và đăng ký xe mang tên Trần Văn Đ cho bà Đông và trả lại bà Nguyễn Thị B chiếc xe mô tô nhãn hiệu ANGEL, BKS 99H3-0303.

Luật sư Phạm Tuấn Anh và Hoàng Thế Tuyên bào chữa cho bị cáo Đ và N phát biểu quan điểm đều nhất trí về tội danh, khung, khoản của điều luật như Cáo trạng đã truy tố nhưng các luật sư cho rằng trong vụ án này Đ và N chưa thực hiện xong hành vi bán ma túy thì đã bị bắt nên hậu quả, tác hại chưa lớn. Luật sư của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng cho hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo N có bố đẻ là thương binh lại hợp tác tích cực với cơ quan điều tra nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại quy định tại điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ đã có thời gian phục vụ trong quân đội nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hai luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc để xử phạt các bị cáo với mức hình phạt có lợi nhất và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Các bị cáo Đ và N nhất trí quan điểm bào chữa của Luật sư, không tham gia tranh luận.

Đối đáp quan điểm của Luật sư và bị cáo, đại diện Viện kiểm sát khẳng định: Các bị cáo phạm tội với động cơ nhằm thu lợi bất chính về nguyên tắc phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Chỉ miễn hình phạt bổ sung cho N vì N học vấn thấp, không có việc làm. Tuy nhiên không thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ ở điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự vì N mới chỉ là thành khẩn khai báo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của Đ và N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để khẳng định: Do có sự thỏa thuận trước về việc mua bán ma túy giữa Trần Văn Đ, Nguyễn Đình N cho một đối tượng tên G nên khoảng 12h30 ngày 12/02/2020, Đ điều khiển xe mô tô mang theo 02 gói heroin, có khối lượng 54,3903 gam từ thành phố Hà Nội về khu vực

đường làng thôn H, xã G, huyện G để bán nhưng chưa kịp bán thì bị bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo Trần Văn Đ và Nguyễn Đình N đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới chính sách độc quyền của nhà nước về quản lý chất ma túy. Ma túy còn là nguồn gốc dẫn tới nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đã mua bán một khối lượng ma túy tương đối lớn, do vậy cần có hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Các bị cáo Đ và N tuy không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng đều là những đối tượng có nhân thân xấu. Năm 2006, Đ bị TAND thành phố Hà Nội xử phạt 09 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" đã chấp hành xong bản án ngày 26/4/2012. Năm 2008, bị cáo N bị TAND huyện G xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Lưu hành tiền giả" nhưng hai bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay, hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo N tuy hợp tác tốt hơn Đ trong giai đoạn điều tra nhưng cũng chỉ thể hiện sự thành khẩn chứ chưa phải đã có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm nên không được áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như quan điểm của người bào chữa. Bị cáo Đ từng có thời gian phục vụ trong quân đội và bị cáo N có bố đẻ là bệnh binh nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đ, N phạm tội với động cơ nhằm thu lợi bất chính và hưởng lợi ma túy nhưng việc mua bán giữa các bị cáo chưa hoàn thành, chưa giao tiền, cả hai bị cáo đều có học vấn thấp, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đời sống khó khăn nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[4] Về vật chứng: Đối với số ma túy còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Nokia 105 của Đ và 01 chiếc điện thoại di động Samsung của N xét thấy các bị cáo đã dùng điện thoại trên để giao dịch mua bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu sung công.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu AIR BLADE, BKS 99H1-070.39 bị cáo Đ sử dụng làm phương tiện đi mua bán trái phép chất ma túy. Chiếc xe này bị cáo

đứng tên đăng ký chính chủ. Bà Đông cho rằng xe bà bỏ tiền mua nhưng không có căn cứ chứng minh nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu ANGEL, BKS 99H3-0303 của bà Nguyễn Thị B cho bị cáo N mượn. Khi cho mượn bà B không biết N sử dụng xe làm phương tiện đi mua bán ma túy nên cần trả lại cho bà B là phù hợp.

Đối với người mua ma túy tên G đã lợi dụng sơ hở bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh thu giữ điện tín, tra cứu thông tin số thuê bao di động 0969.213.181 mà G sử dụng liên lạc với N, xác định chủ thuê bao là Đoàn Trắc G, sinh năm 1989; trú tại: Thôn L, xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh nhưng khi xác minh theo địa chỉ trên thì chính quyền địa phương và gia đình xác nhận G đã đi khỏi nhà từ lâu, không biết đi đâu, làm gì. Ông Đoàn Trắc Thi là bố đẻ G cung cấp 01 ảnh của G, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho bị cáo Đ và N nhận dạng ảnh của G nhưng cả hai đều không xác định được ai là G trong bản ảnh nhận dạng. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ và Nguyễn Đình N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 12/02/2020.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 12/02/2020.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định duy trì Lệnh tạm giam số: 110/2020/HSST-QĐTG ngày 08/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đối với bị cáo Trần Văn Đ và Lệnh tạm giam số: 111/2020/HSST-QĐTG ngày 08/6/2020 đối với bị cáo Nguyễn Đình N để đảm bảo thi hành án.

2. Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 hộp giấy đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định, niêm phong còn nguyên vẹn. Một mặt ghi chữ: K/gửi: Cơ quan CSĐT(PC04) - Công an tỉnh Bắc Ninh. Mẫu vật còn lại sau giám định kèm theo KLGĐ số: 151/KLGĐMT-PC09 ghi ngày 14/02/2020 của phòng PC09 CA tỉnh Bắc Ninh.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung của Đ và N.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade màu đỏ đen, BKS: 99H1-070.39 và đăng ký xe mang tên Trần Văn Đ, SM: 4036033, SK: Y519188;

- Trả lại bà Nguyễn Thị B 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel 100 (SYM) màu đen, BKS: 99H3-0303 có SM: 302601.

Các vật chứng trên theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 54/2020 ngày 28/5/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Bị cáo Trần Văn Đ và Nguyễn Đình N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT - CA tỉnh Bắc Ninh (PC04);
- Phòng PC 10 - Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA